

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN VĂN HỌC

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Hiểu và bước đầu biết vận dụng các khái niệm nội dung và hình thức khi phân tích văn bản văn học.
- Thấy rõ mối quan hệ của nội dung và hình thức trong văn bản văn học.

B - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

- Đây là bài lí luận văn học. GV giảng bài cần kết hợp với phân tích một số ví dụ cụ thể để soi sáng lí thuyết. Các ví dụ nên lấy từ những văn bản văn học có trong SGK. Như thế HS tiện theo dõi. Tránh lấy ví dụ từ những tác phẩm quá xa lạ hoặc kém giá trị.

- Bài này tiếp nối và làm rõ cấu trúc của bài *Văn bản văn học*.

2. Trọng tâm bài học

- a) Đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng nghệ thuật (tình cảm sâu đậm trong văn bản),... là những lớp nội dung cần đi sâu phân tích khi tìm hiểu văn bản văn học.

Đối với văn bản văn học có khuôn khổ nhỏ như thơ hai-cư, thơ tứ tuyệt,... không nhất thiết lúc nào cũng cần phân tích đầy đủ theo trình tự trên. Đề tài, chủ đề có khi đã thể hiện phần nào ở tiêu đề văn bản như *Theo chân Bác*, *Người đi tìm hình của nước*, *Mùa thu câu cá*, *Nhớ con sông quê hương*,... Ta cần đi sâu vào tư tưởng và cảm hứng nghệ thuật vốn thường hoà quyện trong văn bản. *Vận nước* (Quốc lộ của Pháp Thuận thiền sư), *Cáo bệnh, báo mọi người* (Cáo tật thị chung của Mân Giác thiền sư) là những bài như thế.

- b) Thường từ những đề tài lớn như lịch sử đất nước, quân đội, nhà văn có thể nêu lên những chủ đề, tư tưởng quan trọng. Nhưng có những văn bản văn học tuy đề tài có vẻ thông thường nhưng tư tưởng lại vô cùng sâu sắc.

Truyện *Thầy bói xem voi* cho thấy hạn chế của giác quan dẫn đến hạn chế của nhận thức, hạn chế của nhận thức dẫn đến phiến diện, sai lầm trong nhận định.

Truyện *Đeo cày giữa đường chỉ rõ* : Con người luôn sống trong những luồng ý kiến khác nhau, đối lập nhau, vì vậy, phải có bản lĩnh để phân biệt đúng sai và phải quyết đoán để giữ vững chủ ý của mình.

Đó là những điều mọi người đáng suy ngẫm.

c) Có những văn bản văn học tuy nhiều câu chữ, với nhiều tình tiết gay cấn, nhưng không có tư tưởng gì đặc sắc. Loại văn bản đó giúp cho con người giải trí. Nếu định đọc sách để nâng cao và làm phong phú tâm hồn, tư tưởng thì không nên quá chú tâm vào loại này.

d) Ngoài đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng nghệ thuật, khi phân tích văn bản văn học người ta còn dùng đến các khái niệm *quan niệm về thế giới và con người* (tức là nội dung triết lí của văn bản) hay *sắc điệu thẩm mĩ* (tức là những sắc điệu liên quan đến các phạm trù cái bi, cái hài, cái cao cả...). Nhưng GV chưa cần đi sâu vào các khái niệm đó ở năm đầu cấp Trung học phổ thông.

e) Ở phần hình thức của văn bản văn học cần lưu ý tránh quan niệm thô sơ máy móc : xem quan hệ nội dung với hình thức như *ruou* với *bình* (đụng rượu). Thật ra, giữa nội dung và hình thức có quan hệ chặt chẽ :

Ngôn từ trong văn bản văn học rất đa dạng, phong phú. Có ngôn từ tài hoa của Nguyễn Tuân, có ngôn từ trong sáng điêu luyện của Thạch Lam, có ngôn từ cụ thể, chân chất, đầy màu sắc Nam Bộ của Sơn Nam,... Nghĩa là trong ngôn từ đã mang tính cá thể, bản sắc của tác giả.

Cũng không có một kết cấu chung chung cho mọi tác phẩm. Kết cấu phải thích hợp và hài hòa với nội dung văn bản : có kết cấu hoành tráng của các tác phẩm sử thi, có kết cấu đầy yếu tố bất ngờ của truyện trinh thám, có kết cấu rộng mở theo dòng suy nghĩ của tuỳ bút, tạp văn,...

Thể loại cũng vậy, cùng là hình thức *thơ lục bát*, nhưng thơ lục bát của Nguyễn Bính thường mang đậm chất dân gian, thơ lục bát của Huy Cận trong *Lửa thiêng* thường trang nhã, cổ kính. Do đó, phải luôn luôn ý thức rằng trong văn bản văn học, mọi yếu tố hình thức đều có nội dung, có ý nghĩa của nó. Bỏ qua điều đó người phân tích khó mà hiểu đúng văn bản văn học.

II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

a) Bài có hai phần :

- Các khái niệm về nội dung và hình thức của văn bản văn học.
- Tầm quan trọng của nội dung và hình thức văn bản văn học.

Phần thứ nhất là trọng tâm, GV nên dành nhiều thời gian để làm rõ các khái niệm và vận dụng các khái niệm đó trong việc phân tích tác phẩm.

b) Nên lấy ví dụ những văn bản HS đã quen thuộc như : *Tắt đèn*, *Buộc đường cùng*, *Tỏ lòng (Thuật hoài)*, *Cáo bệnh, bảo mọi người (Cáo tật thị chúng)*,... GV không ngại lặp lại, vì ở đây đưa ra ví dụ cốt làm rõ các khái niệm đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng nghệ thuật. Dĩ nhiên, việc phân tích không chỉ bó hẹp trong các tác phẩm quen thuộc. Tốt nhất, GV nên chọn những ví dụ mà mình tâm đắc và phù hợp với trình độ HS, như thế việc trình bày dễ sinh động, hấp dẫn.

c) Khi trình bày, GV nên làm rõ mối liên quan giữa đề tài, chủ đề, tư tưởng và cảm hứng nghệ thuật. Mối liên quan đó rất rõ (xem phần phân tích tác phẩm *Tắt đèn* trong SGK). Đó là điều hiển nhiên vì đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng nghệ thuật là các lớp nội dung của một văn bản văn học.

Cuối giờ, GV nên dành thời gian hướng dẫn HS làm các bài luyện tập.

III - KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Các câu hỏi cốt để HS hiểu rõ các khái niệm về nội dung và hình thức của văn bản văn học đã trình bày trong SGK. GV cần chú ý nhiều hơn đến những ví dụ HS đưa ra có đúng đắn, thích hợp không.

2. Về hai bài tập trong phần *Luyện tập*

a) Bài tập 1 : So sánh đề tài của *Tắt đèn* và *Buộc đường cùng*.

– Cả hai tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố và *Buộc đường cùng* của Nguyễn Công Hoan đều viết về cuộc sống bị bóc lột, áp bức, rất cơ cực của nông dân ở nông thôn trước Cách mạng tháng Tám 1945 và sự phản kháng tự phát của họ. Nhưng có sự khác nhau : *Tắt đèn* tả cuộc sống nông thôn trong những ngày sưu thuế, nông dân bị áp bức bóc lột đủ đường buộc phải vùng lên phản kháng ; *Buộc đường cùng* miêu tả cuộc sống hằng ngày lầm than cơ cực của nông dân : bị áp bức bóc lột, bị địa chủ dùng thủ đoạn cho vay nặng lãi để cướp lúa, cướp đất, bị đẩy vào bước đường cùng, không còn lối thoát, nông dân phải đứng lên chống lại.

– *Tắt đèn* và *Buộc đường cùng* phản ánh thực trạng cuộc sống của nông dân ở nông thôn trước Cách mạng mà các tầng lớp cầm quyền cố che đậy. Người ta chỉ quyết tâm thay đổi hoàn cảnh sống khi hiểu ra thực trạng cuộc sống bi thảm của mình. Các đề tài này góp phần giúp cho nông dân (cũng như nhân dân nói chung) thời đó ý thức rõ hơn về thân phận của mình.

– Cũng có thể so sánh với các tác phẩm viết về nông thôn theo cách nhìn lâng mạn (những đêm trăng sáng thanh bình, trai gái hẹn hò bên bờ giếng nước), hoặc có màu sắc cải lương (lớp địa chủ tân tiến giúp đỡ nông dân cải tiến lề lối làm ăn ở các đồn điền...) như trong một số sáng tác của nhóm Tự lực văn đoàn.

b) Bài tập 2 : Phân tích tư tưởng bài thơ *Mẹ và quả* của Nguyễn Khoa Điềm.

Hai khổ thơ đầu nói đến lòng mong mỏi đợi chờ cũng như công phu khó nhọc của người mẹ khi chăm sóc cây trái trong vườn.

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trống vào tay mẹ vun trồng*

.....
*Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rò xuống lòng thầm lặng mẹ tôi*

Đây là hình ảnh có ý nghĩa sâu sắc. Những quả bí xanh, quả bầu đúng là có “dáng giọt mồ hôi mặn” – tượng trưng cho công sức (đổ mồ hôi) của người vun trồng. Từ chuyện trồng cây chuyển sang chuyện trồng người (chuyện chăm sóc, bồi dưỡng con người) :

*Và chúng tôi một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ mong chờ được hái
Tôi hoảng sợ, ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.*

Nhà thơ ví mình như một thứ quả mà người mẹ đã gieo trồng, phải cố gắng học tập trau dồi để xứng đáng với tấm lòng người mẹ đã có công nuôi nấng dạy dỗ, và kì vọng vào tương lai của con mình. Ở đây có hai nhã ngữ : “bàn tay mẹ mỏi” (sự mòn mỏi đợi chờ, không chịu đựng được nữa) và “quả non xanh” (chưa đến độ chín, chưa trưởng thành). Nhưng có thể có hàm ý nữa là quả hỏng (người có nhiều khiếm khuyết, nhiều thói hư tật xấu, v.v...). Sự lo lắng sâu sắc là biểu hiện cao của ý thức trách nhiệm phải đền đáp công ơn người đã nuôi nấng dạy dỗ mình. Đó là tư tưởng của bài thơ.